

Bản án số: 116/2024/HNGĐ-ST
Ngày 29 – 5 – 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Công Minh

Ông Trịnh Anh Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Huyền Trang – *Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.*

Ngày 29 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 176/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2024 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 04 năm 2024 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà Phạm Như T. Sinh năm: 2001. Địa chỉ cư trú: Nhà không số, ấp 4, xã L, huyện T, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (có mặt).

* **Bị đơn:** Ông Trịnh Quốc B. Sinh năm: 1996. Địa chỉ cư trú: Nhà không số, ấp T, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/3/2024, bản tự khai, biên bản hòa giải và được bổ sung tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Như T trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Trịnh Quốc B kết hôn, đăng ký kết hôn vào ngày 07/12/2020 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Lộc, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống xảy ra cãi vã. Bà và ông B đã ly thân khoảng 04 tháng nay. Bà xác định không thể tiếp tục chung sống nên bà yêu cầu ly hôn với ông B.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Trịnh Thiên P sinh ngày 03/9/2022. Con chung hiện đang sống với bà T. Khi ly hôn, bà yêu cầu tiếp tục nuôi con, yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/tháng, kể từ ngày 22/4/2024 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về Tài sản chung: Bà xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Bà xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, ông Trịnh Quốc B trình bày:

Về hôn nhân: Về thời gian chung sống, nơi đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng đúng như bà T trình bày. Ông đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Trịnh Thiên P sinh ngày 03/9/2022. Con chung hiện đang sống với bà T. Khi ly hôn, ông thống nhất yêu cầu của bà T, tiếp tục giao con chung cho bà T nuôi, ông B thống nhất cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/tháng, cấp dưỡng hàng tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Sau đó ông B có văn bản thay đổi ý kiến thỏa thuận về mức cấp dưỡng, chỉ đồng ý cấp dưỡng 1.500.000đ/tháng.

Về Tài sản chung: Ông B xác định không có. Không yêu cầu tòa án giải quyết

Về nợ chung: Ông B xác định không có. Không yêu cầu tòa án giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Bà Phạm Như T và ông Trịnh Quốc B kết hôn, đăng ký kết hôn vào ngày 07/12/2020 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Lộc, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Bà T yêu cầu ly hôn với ông B. Quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp được xác định là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Đối với ông Trịnh Quốc B, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng để triệu tập ông B đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng ông B vắng mặt không rõ lý do. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông B theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà T xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống xảy ra cãi vã. Bà T và ông B đã ly thân khoảng 04 tháng nay. Bà xác định không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu ly hôn với ông B. Ông B thống nhất nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng và đồng ý ly hôn với bà T, không yêu cầu hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Xét thấy hôn nhân của ông bà đã có mâu thuẫn, khó có thể hàn gắn nên chấp nhận sự thuận tình ly hôn của ông bà.

[4] Về con chung: Con chung tên Trịnh Thiên P sinh ngày 03/9/2022 đang sống với bà T. Khi ly hôn, ông B và bà T thống nhất tiếp tục giao con chung cho bà T nuôi. Ông B cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/tháng, cấp hàng tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa bà T thống nhất mức cấp dưỡng 1.500.000đ/tháng theo ý kiến của ông B. Sự thỏa thuận này của các đương sự là phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận sự thỏa thuận này.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Như T và ông Trịnh Quốc B thống nhất xác định tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung. Đối với nợ chung, ông B và bà T thống nhất xác định không nợ ai. Đến nay không có cá nhân tổ chức nào yêu cầu trách nhiệm trả nợ của ông B và bà T. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về nợ chung và tài sản chung.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình bà T phải chịu, án phí cấp dưỡng nuôi con ông B phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 147, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí.

Về hôn nhân: Bà Phạm Như T được ly hôn với ông Trịnh Quốc B

Về con chung: Tiếp tục giao con chung tên Trịnh Thiên P sinh ngày 03/9/2022 cho bà Phạm Như T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Trịnh Quốc B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm ngàn đồng*) mỗi tháng, cấp dưỡng hàng tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông Trịnh Quốc B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày người có quyền thi hành án (bà Phạm Như T) có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án (ông Trịnh Quốc B) không thi hành xong khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi suất phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về Tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân gia đình 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*), bà Phạm Như T nhận nộp toàn bộ. Ngày 21/3/2024 bà Phạm Như T đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Cà Mau theo lai thu số 0008290 được chuyển thu.

Án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) ông Trịnh Quốc B phải nộp (chưa nộp).

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau
- VKSND TP.Cà Mau;
- UBND xã Tân Lộc,
- H.Thới Bình, tỉnh Cà Mau
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Phan Thị Thu